TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ QUY NHƠN** **TỈNH BÌNH ĐỊNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 48 /2023/HS-ST
Ngày: 29 - 3 - 2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ QUY NHƠN, TỈNH BÌNH ĐỊNH

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ung Quang Định.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Sỹ.

Ông Nguyễn Ron.

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Trần Thị Hạnh - Thư ký của Toà án nhân dân Tp. Quy Nhơn.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân TP. Quy Nhơn***: Ông Văn Lê Hoài Khiêm - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 3 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân TP. Quy Nhơn, tỉnh Bình Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 257/2022/TLST - HS ngày 01 tháng 12 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 34/2023/QĐXXST-HS ngày 23 tháng 02 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 30/2023/HSST-QĐHPT ngày 08 tháng 3 năm 2023 đối với:

Bị cáo:

Họ và tên: Phạm Văn T, sinh năm 1983; tại tỉnh Quảng Nam; Nơi cư trú: Tổ 8, KP2, P. N, TP. Q, tỉnh B; Nghề nghiệp: Không; Trình độ học vấn: 12/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Con ông: Phạm Văn T, sinh năm 1931 và bà: Trần Thị B (chết); Vợ: Trương Thị Thanh H (đã ly hôn); Con: 01 người, sinh năm: 2008; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị bắt theo Quyết định truy nã, tạm giữ chuyển tạm giam từ ngày 13/4/2022, hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an Tp. Quy Nhơn. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Bị hại:

1. Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1978. Trú tại: Tổ 3, KP 1, phường N, Tp. Q, tỉnh B (có mặt)

2. Anh Trương Ngọc B, sinh năm 1981. Trú tại: Tổ 15, KV2, P. N, Tp. Q, tỉnh B (vắng mặt).

3. Anh Huỳnh Văn M, sinh năm 1985. Trú tại: Tổ 70, KP 9, phường N, Tp. Q, tỉnh B (có mặt)

4. Anh Nguyễn Văn A, sinh năm 1983. Trú tại: Khu phố Trung Tín 2, TT. T, huyện T, tỉnh B (vắng mặt).

5. Chị Hồ Thị D, sinh năm 1982. Trú tại: thôn Đ, xã P, huyện T, tỉnh B (vắng mặt).

6. Anh Trần Huy H, sinh năm 1976. Trú tại: Tổ 2, KP 6, phường N, Tp. Q, tỉnh B (có mặt).

7. Anh Nguyễn Đình T, sinh năm 1977. Trú tại: 114 Nguyễn H, TT. T, huyện T, tỉnh B (có mặt).

8. Anh Nguyễn Văn D, sinh năm 1976. Trú tại: Tổ 70, KP 9, phường N, Tp. Q, tỉnh B (vắng mặt).

9. Anh Huỳnh Ngọc H, sinh năm 1972. Trú tại: Tổ 73, KP 9, phường N, Tp. Q, tỉnh Bh (có mặt).

10. Anh Phan Văn D, sinh năm 1984. Trú tại: thôn T, xã P, huyện T, tỉnh B (có mặt).

11. Anh Huỳnh Công P, sinh năm 1966. Trú tại: thôn B, xã P, huyện T, tỉnh B (có mặt).

12. Anh Huỳnh H, sinh năm 1979. Trú tại: Tổ 46, KP9, P. Đ, Tp. Q, tỉnh B (có mặt).

13. Anh Lê Quốc S, sinh năm 1989. Trú tại: Tổ 49, KP5, P. N, Tp. Q, tỉnh B (vắng mặt).

14. Anh Võ Công Đ, sinh năm 1990. Trú tại: Tổ 3, KP1, P. N, Tp. Q, tỉnh B (vắng mặt).

15. Anh Huỳnh Phạm Quốc H, sinh năm 1991. Trú tại: Tổ 6B, KP1, phường Q, TP. Q, tỉnh B (có mặt).

16. Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1978. Trú tại: Tổ 3, KP 1, phường N, TP. Q, tỉnh B (vắng mặt).

17. Anh Lê Thái H, sinh năm 1991. Trú tại: thôn L, xã P, huyện T, tỉnh B (có mặt).

18. Anh Phan Văn Đ, sinh năm 1997. Trú tại: thôn D, xã P, huyện T, tỉnh B (có mặt).

19. Anh Phan Văn P, sinh năm 1991. Trú tại: thôn D, xã P, huyện T, tỉnh B (có mặt).

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

1. Chị Nguyễn Trịnh Hạ Thủy T, sinh năm 1988. Địa chỉ: thôn C, xã X, huyện Đ, tỉnh P. 306/56 Hoàng Văn T, Tp. Q, tỉnh B (có mặt).

2. Anh Hồ Sỹ N, sinh năm 1986. Trú tại: Tổ 72, KV9, P. N, Tp. Q, tỉnh B (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng từ tháng 6/2020, Phạm Văn T gặp và quen biết với Nguyễn Văn T, sinh năm 1978. Do thiếu tiền tiêu xài nên Tửu nảy sinh ý định chiếm đoạt tiền của Tình. Sau đó, T nói dối với T mình là cán bộ của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Định, có thể giúp làm "Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất" cho đất ở lâu năm. T hỏi: "Mày làm được thì làm giùm anh hai, xong hết khoảng bao nhiêu tiền anh gửi?". T nói chi phí dịch vụ làm giấy tờ nhà đất cho T là 40.000.000 đồng. T đưa cho Tửu 02 lần tổng cộng 35.000.000 đồng và hứa sẽ đưa đủ khi nhận được giấy tờ. Ngoài ra, qua lời giới thiệu của T, nhiều người thân quen có nhu cầu làm "Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất" cũng gặp Phạm Văn T nhờ làm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Mỗi lần gặp, T đều giới thiệu mình là cán bộ Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Định rồi nhận tiền, cam kết sẽ làm được giấy tờ trong thời gian từ 03 đến 06 tháng. Ngoài ra, với thủ đoạn gian dối, T còn nhận tiền của người nhiều người khác để hứa hẹn xin việc làm và làm Giấy phép lái xe, cụ thể như sau:

- Vụ 1: Khoảng tháng 02/2021, Nguyễn Văn A, sinh năm: 1983 là em ruột của T) nhờ T đưa cho Phạm Văn T số tiền 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng) để làm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (T có viết giấy tạm ứng tiền đưa cho T).

- Vụ 2: Khoảng tháng 02/2021, Trương Ngọc B, sinh năm: 1981 là bạn của Tình) trực tiếp đưa cho Phạm Văn T số tiền 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng) để làm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (T có viết giấy tạm ứng tiền đưa cho B).

- Vụ 3: Khoảng tháng 3/2021, Huỳnh Văn M, sinh năm: 1985 trực tiếp đưa cho Phạm Văn T số tiền 15.000.000 đồng (Mười lăm triệu đồng) để làm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

- Vụ 4: Khoảng tháng 3/2021, Hồ Thị D, sinh năm: 1982 trực tiếp đưa cho Phạm Văn T số tiền 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng) để làm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

- Vụ 5: Khoảng tháng 5/2021, Trần Huy H, sinh năm: 1976 trực tiếp đưa cho Phạm Văn T số tiền 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng) để làm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

- Vụ 6: Khoảng tháng 5/2021, Nguyễn Đình T, sinh năm: 1977 trực tiếp đưa cho Phạm Văn T số tiền 21.000.000 đồng (Hai mươi mốt triệu đồng) để làm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

- Vụ 7: Khoảng tháng 5/2021, Nguyễn Văn D, sinh năm: 1976 trực tiếp đưa cho Phạm Văn T số tiền 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng) để làm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (T có viết giấy tạm ứng tiền đưa cho D).

- Vụ 8: Khoảng tháng 6/2021, Huỳnh Ngọc H, sinh năm: 1972 trực tiếp đưa cho Phạm Văn T số tiền 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng) để làm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (T có viết giấy tạm ứng tiền đưa cho H).

- Vụ 9: Khoảng tháng 6/2021, Phan Văn D, sinh năm: 1984; trú: Thôn T, xã P, huyện T, tỉnh B) trực tiếp đưa cho Phạm Văn T số tiền 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng) để làm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (T có viết giấy tạm ứng tiền).

- Vụ 10: Khoảng tháng 6/2021, Huỳnh Công P, sinh năm: 1966 là em họ của Nguyễn Văn T) trực tiếp đưa cho Phạm Văn T số tiền 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng) để xin việc làm cho con gái vào biên chế nhà nước.

- Vụ 11: Khoảng tháng 7/2021, Huỳnh H, sinh năm: 1979 trực tiếp đưa cho Phạm Văn T số tiền 30.000.000 đồng (Ba mươi triệu đồng) để làm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

- Vụ 12: Khoảng tháng 7/2021, Lê Quốc S, sinh năm: 1989 trực tiếp đưa cho Phạm Văn T số tiền 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng) để làm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

- Vụ 13: Khoảng tháng 7/2021, Võ Công Đ, sinh năm: 1990 trực tiếp đưa cho Phạm Văn T số tiền 15.000.000 đồng (Mười lăm triệu đồng) để làm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Tuy nhiên, sau đó Đ nghi ngờ T không làm được đã xin lấy lại 14.000.000 đồng (Mười bốn triệu đồng), còn lại 1.000.000 đồng .

- Vụ 14: Vào ngày 08/6/2021 và ngày 01/8/2021, Huỳnh Phạm Quốc H, sinh năm: 1991 trực tiếp đưa cho Phạm Văn T tổng số tiền 25.000.000 đồng (Hai mươi lăm triệu đồng) để làm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

- Vụ 15: Phạm Văn T còn nhận làm giấy phép lái xe hạng A1 với giá 1.200.0000 đồng/người cho 04 người gồm: Nguyễn Thị T (Sinh năm: 1978; trú: Tổ 3, khu vực 1, phường N, TP. Q, tỉnh B); Lê Thái H (Sinh năm: 1991; trú: Thôn L, xã P, huyện T, tỉnh B); Phan Văn Đ (Sinh năm: 1997; trú: Thôn D, xã P, huyên T, tỉnh B) và Phan Văn P (Sinh năm: 1991; trú: Thôn D, xã P, huyện T, tỉnh B).

Ngoài ra còn có 08 người khác cũng nhờ Phạm Văn T làm giấy phép lái xe hạng A1 với giá 1.200.0000 đồng/người nhưng Cơ quan Cảnh sát điều tra thông báo truy tìm bị hại đã bị T chiếm đoạt tiền. Tuy nhiên, hiện tại không có ai báo cáo đến cơ quan điều tra.

Vật chứng vụ án: Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an TP. Quy Nhơn hiện tạm giữ: 01 (một) xe mô tô biển số 77L2-190.25, màu đỏ đen bạc, nhãn hiệu Honda-Wave, số máy: JA39E1054107, số khung: 391XKY196404, đã qua sử dụng.

Về phần dân sự: Vào ngày 19/7/2021, Phạm Văn T đã trả lại cho Nguyễn Văn T số tiền 16.300.000 đồng (Mười sáu triệu, ba trăm nghìn đồng); trả lại cho Lê Quốc S số tiền 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng); trả lại cho Võ Công Đ số tiền 1.000.000 (Một triệu đồng). Nguyễn Văn T yêu cầu Phạm Văn T bồi thường

18.700.000 đồng (Mười tám triệu bảy trăm nghìn đồng) mà Tửu còn nợ. Lê Quốc S, Võ Công Đ đã nhận lại đủ tiền nên không có yêu cầu bồi thường gì khác. Các bị hại còn lại yêu cầu Phạm Văn T bồi thường số tiền đã chiếm đoạt.

- Tại bản cáo trạng số: 182/CT-VKSQN ngày 28 tháng 11 năm 2022 Viện kiểm sát nhân dân TP. Quy Nhơn truy tố bị cáo Phạm Văn T về tội: "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản", quy định tại điểm a khoản 3 Điều 174 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát giữ quyền công tố luận tội và tranh luận: Bị cáo Phạm Văn T thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như Cáo trạng đã truy tố. Do đó, Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo Phạm Văn T về tội: "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản", với các tình tiết định khung hình phạt "Chiếm đoạt tài sản có giá trị từ 200.000.000 đồng đến dưới 500.000.000 đồng" quy định tại điểm a khoản 3 Điều 174 Bộ luật Hình sự. Đề nghị HĐXX áp dụng điểm a khoản 3 Điều 174, điểm s khoản 1 Điều 51, điểm b, g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo Phạm Văn T từ 07 năm đến 08 năm tù.

Về bồi thường thiệt hại: Áp dụng Điều 584, Điều 589 Bộ luật Dân sự; Điều 47; Điều 48 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự; buộc bị cáo T phải bồi thường cho các bị hại là các anh, chị: Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn A, Trương Ngọc B, Huỳnh Văn M, Hồ Thị D, Trần Huy H, Nguyễn Đình T, Nguyễn Văn D, Huỳnh Ngọc H, Phan Văn D, Huỳnh Công P, Huỳnh H, Lê Quốc S, Võ Công Đ, Huỳnh Phạm Quốc H, Nguyễn Thị T, Lê Thái H, Phan Văn Đ, Phan Văn P số tiền đã chiếm đoạt.

Về phần xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự. Tịch thu, nộp ngân sách nhà nước 01 (một) xe mô tô biển số 77L2-190.25, màu đỏ đen bạc, nhãn hiệu Honda-Wave, số máy: JA39E1054107, số khung: 391XKY196404, đã qua sử dụng, đứng tên chủ sở hữu Phạm Văn T vì đây là tài sản do bị cáo phạm tội mà có.

Bị cáo tự bào chữa: Bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội, không bào chữa.

Bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo xin HĐXX giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố Quy Nhơn, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Quy Nhơn, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do

đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về tội danh và điều luật áp dụng: Tại phiên tòa bị cáo Phạm Văn T khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như cáo trạng của Viện kiểm sát đã truy tố, lời khai của bị cáo phù hợp với chứng cứ có trong hồ sơ vụ án nên HĐXX có đủ cơ sở xác định: Khoảng thời gian từ tháng 02/2021 đến tháng 8/2021, Phạm Văn T đã dùng thủ đoạn gian dối nói mình là cán bộ của Sở Tài nguyên & Môi trường tỉnh Bình Định có thể làm Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho đất ở lâu năm, xin việc làm và làm Giấy phép lái xe để chiếm đoạt tài sản của Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn A, Trương Ngọc B, Huỳnh Văn M, Hồ Thị D, Trần Huy H, Nguyễn Đình T, Nguyễn Văn D, Huỳnh Ngọc H, Phan Văn D, Huỳnh Công P, Huỳnh H, Lê Quốc S, Võ Công Đ, Huỳnh Phạm Quốc H, Nguyễn Thị T, Lê Thái H, Phan Văn Đ, Phan Văn P với tổng số tiền 250.800.000 đồng. Tài sản hợp pháp của công dân được pháp luật bảo vệ, mọi hành vi xâm phạm đều được phát hiện kịp thời và xử lý nghiêm minh, bị cáo Phạm Văn T là người có đầy đủ năng lực nhận thức để điều khiển hành vi của mình nên chắc chắn phải biết rõ điều đó, nhưng với ý thức xem thường pháp luật, tham lam, lười lao động, muốn nhanh chóng có tiền tiêu xài và làm nguồn sống chính nên bị cáo đã dùng thủ đoạn gian dối để chiếm đoạt tiền của các bị hại số tiền 250.800.000 đồng. Do đó, Viện kiểm sát nhân dân TP. Quy Nhơn truy tố bị cáo về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" với tình tiết định khung hình phạt "Chiếm đoạt tài sản có giá trị từ 200.000.000 đồng đến dưới 500.000.000 đồng" quy định tại điểm a khoản 3 Điều 174 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng tội.

[3] Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác, gây ảnh hưởng xấu đến an ninh trật tự, trị an ở địa phương nên cần xử bị cáo một mức án tương xứng với hành vi mới có tác dụng giáo dục riêng đối với bị cáo, răn đe và phòng ngừa chung đối với xã hội.

[4] Xét về nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ của bị cáo thì thấy rằng: Bị cáo có nhân thân tốt, từ trước đến nay không vi phạm gì. Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo không có nghề nghiệp, số tiền có được từ việc lừa dối là nguồn sống chính và bị cáo đã lừa đảo 19 bị hại trong đó có 15 lần chiếm đoạt số tiền từ 2.000.000 đồng trở lên đủ yếu tố cấu thành tội phạm nên phải chịu các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự "Phạm tội có tính chất chuyên nghiệp" và "Phạm tội 02 lần trở lên" quy định tại điểm b, g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự tình tiết tăng nặng. Về tình tiết giảm nhẹ: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự nên cần xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt để bị cáo an tâm cải tạo tốt.

[5] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 173 Bộ Luật hình sự, bị cáo T có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền. Tuy nhiên, tại phiên tòa bị cáo khai không có nghề nghiệp và không có thu nhập nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[6] Về phần dân sự: Bị cáo thừa nhận đã có hành vi lừa đảo và chiếm đoạt tiền của các bị hại; các bị hại đều yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền đã chiếm đoạt tổng cộng 214.500.000 đồng, cụ thể: Anh Nguyễn Văn T yêu cầu bồi thường số tiền 18.700.000 đồng; anh Nguyễn Văn A yêu cầu bồi thường số tiền 10.000.000 đồng; anh Trương Ngọc B yêu cầu bồi thường số tiền 10.000.000 đồng; anh Huỳnh Văn M yêu cầu bồi thường số tiền 15.000.000 đồng; chị Hồ Thị D yêu cầu bồi thường số tiền 10.000.000 đồng; anh Trần Huy H yêu cầu bồi thường số tiền 20.000.000 đồng; anh Nguyễn Đình T yêu cầu bồi thường số tiền 21.000.000 đồng; anh Nguyễn Văn D yêu cầu bồi thường số tiền 10.000.000 đồng; anh Huỳnh Ngọc H yêu cầu bồi thường số tiền 10.000.000 đồng; anh Phan Văn D yêu cầu bồi thường số tiền 10.000.000 đồng; anh Huỳnh Công P yêu cầu bồi thường số tiền 20.000.000 đồng; anh Huỳnh H yêu cầu bồi thường số tiền 30.000.000 đồng; anh Huỳnh Phạm Quốc H yêu cầu bồi thường số tiền 25.000.000 đồng; chị Nguyễn Thị T yêu cầu bồi thường số tiền 1.200.000 đồng; anh Lê Thái H yêu cầu bồi thường số tiền 1.200.000 đồng; anh Phan Văn Đ yêu cầu bồi thường số tiền 1.200.000 đồng; anh Phan Văn P yêu cầu bồi thường số tiền 1.200.000 đồng. Xét thấy yêu cầu bồi thường của các bị hại là có căn cứ nên buộc bị cáo phải bồi thường cho các bị hại số tiền trên.

[7] Về phần xử lý vật chứng: Cơ quan cảnh sát điều tra – Công an Tp. Quy Nhơn đã tạm giữ: 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda-Wave, biển số 77L2-190.25, đã qua sử dụng. Xét thấy, xe mô tô biển số 77L2-190.25, màu đỏ đen bạc, nhãn hiệu Honda-Wave, số máy: JA39E1054107, số khung: 391XKY196404, đứng tên chủ sở hữu Phạm Văn T. Bị cáo khai đã dùng số tiền lừa đảo chiếm đoạt của các bị hại để mua xe này. Như vậy xe mô tô này là tài sản do bị cáo phạm tội mà có nên tịch thu, nộp ngân sách nhà nước.

[8] Về vấn đề khác: Đối với 08 người bị hại bị Phạm Văn T chiếm đoạt với tổng số tiền 9.600.0000 đồng hiện chưa xác định được lai lịch nên Cơ quan điều tra tiếp tục xác minh, làm rõ và xử lý sau.

[9] Về án phí: Theo quy định tại các Điều 135, 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự và điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Bị cáo Phạm Văn T phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm đối với số tiền bị cáo phải nộp để bồi thường thiệt hại 10.725.000 đồng (214.500.000 đồng x 5%).

[10] Các đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Tp. Quy Nhơn, tỉnh Bình Định là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm a khoản 3 Điều 174, điểm s khoản 1 Điều 51, điểm b, g khoản 1 Điều 52, Điều 47 Bộ luật Hình sự;

Căn cứ vào 584, 585, 586, 589 Bộ luật Dân sự;

Căn cứ vào Điều 89, Điều 106, 135, 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 23, Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 về quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Phạm Văn T phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản".

2. Về hình phạt:

Xử phạt bị cáo Phạm Văn T 07 (bảy) năm 06 (sáu) tháng tù về tội: "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản", thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam ngày 13/4/2022.

3. Về trách nhiệm dân sự:

Bị cáo Phạm Văn T phải có nghĩa vụ bồi thường cho các bị hại: Anh Nguyễn Văn T số tiền 18.700.000 đồng; anh Nguyễn Văn A số tiền 10.000.000 đồng; anh Trương Ngọc B số tiền 10.000.000 đồng; anh Huỳnh Văn M số tiền 15.000.000 đồng; chị Hồ Thị D số tiền 10.000.000 đồng; anh Trần Huy H số tiền 20.000.000 đồng; anh Nguyễn Đình T số tiền 21.000.000 đồng; anh Nguyễn Văn D số tiền 10.000.000 đồng; anh Huỳnh Ngọc H số tiền 10.000.000 đồng; anh Phan Văn D số tiền 10.000.000 đồng; anh Huỳnh Công P số tiền 20.000.000 đồng; anh Huỳnh H số tiền 30.000.000 đồng; anh Huỳnh Phạm Quốc H số tiền 25.000.000 đồng; chị Nguyễn Thị T số tiền 1.200.000 đồng; anh Lê Thái H số tiền 1.200.000 đồng; anh Phan Văn Đ số tiền 1.200.000 đồng; anh Phan Văn P số tiền 1.200.000 đồng.

4. Về xử lý vật chứng: Tịch thu, nộp ngân sách nhà nước: 01 (một) xe mô tô biển số 77L2-190.25, màu đỏ đen bạc, nhãn hiệu Honda-Wave, số máy: JA39E1054107, số khung: 391XKY196404, đã qua sử dụng (theo biên bản giao, nhận đồ vật, tài liệu, vật chứng ngày 09/12/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự Tp. Quy Nhơn, tỉnh Bình Định).

5. Về án phí:

5.1 Án phí hình sự sơ thẩm: Buộc bị cáo Phạm Văn T phải chịu 200.000 đồng *(Hai trăm ngàn đồng).*

5.2 Án phí dân sự sơ thẩm: Bị cáo Phạm Văn T phải chịu 10.725.000 đồng *(Mười triệu, bảy trăm hai mươi lăm nghìn đồng)*.

6. Về quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án tại địa phương nơi cư trú.

7. Về quyền, nghĩa vụ thi hành án:

7.1 Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

7.2 Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận*:**

- TAND tỉnh Bình Định;
- VKSND Tp. Quy Nhơn;
- Chi cục THADS Tp. Quy Nhơn;
- CQ CSĐT CA Tp. Quy Nhơn;
- Đội ĐTTH CA Tp. Quy Nhơn;
- UBND phường Nguyễn Văn Cừ;
- Đương sự;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Ung Quang Định

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ		**THẨM PHÁN** **CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
Nguyễn Ron	**Nguyễn văn Sỹ**	**Ung Quang Định**